

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 3 – 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08/3/2024, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án xét xử số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị T, anh L (chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh L vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định ngày 26/07/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị và anh L xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không tìm được

tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng, anh **L** gia trưởng, vũ phu, xúc phạm chị và gia đình nhà vợ, gái gú, cờ bạc, lô đề dẫn đến chủ nợ thường xuyên đến nhà tìm và làm phiền gia đình chị khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, chị và anh **L** đã sống ly thân từ tháng 02/2022, hiện tại chị đang sinh sống tại quê ngoại ở tỉnh Ninh Bình. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh **L** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên giải quyết ly hôn với anh **Nguyễn Văn L**.

Về con chung: Chị và anh **L** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Phương C**, sinh ngày 15/02/2020, từ khi sống ly thân con chung ở cùng với chị. Chị có nguyện vọng xin nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh **L** đến làm việc nhưng anh **L** vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản làm việc ngày 26/01/2024 Tòa án đã cùng làm việc với địa phương **xã Y**, địa phương cho biết: Anh **L** kết hôn với chị **T** trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng có đăng ký kết hôn tại trụ sở **UBND xã Y** ngày 26/7/2019. Quá trình từ khi kết hôn đến nay mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **L** và chị **T** cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Chỉ biết rằng hiện nay chị **T** và con chung không sống cùng anh **L** mà về quê ngoại sinh sống. Về con chung: Anh **L** và chị **T** có 01 con chung là **Nguyễn Phương C**, sinh ngày 15/02/2020, hiện con chung đang ở cùng chị **T**. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề có liên quan giữa anh **L** và chị **T** cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết theo đơn khởi kiện ly hôn của chị **Nguyễn Thị T**, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh **L**, anh **L** đã nhận được và biết được việc chị **T** đang làm đơn ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án theo đúng pháp luật.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị **T** có mặt, anh **L** vắng mặt. Chị **T** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **L** theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị **T** xin giải quyết vắng mặt. Anh **L** mặc dù được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị **T** đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đúng sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Tuyết**.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu **Nguyễn Phương C**, sinh ngày 15/02/2020 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị **T** không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị **T** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **T** có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh **L** mặc dù được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh, chị không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh L. Về phía anh L, mặc dù anh biết việc chị T xin ly hôn, đã được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị T nữa. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh L vẫn vắng mặt. Chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh L nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương C, sinh ngày 15/02/2020 hiện nay đang sống cùng chị T. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Xét thấy, con chung vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc, gần gũi từ người mẹ nhiều hơn và hiện nay con chung đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định kể từ khi anh, chị sống ly thân nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh L không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương C, sinh ngày 15/02/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị T phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003490, ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Nghĩa;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Tâm